

KIẾN LẬP MẠN TRÀ LA HỘ MA NGHI QUỸ (PHÁP TOÀN)

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Ngày đầu tiên: Dùng **Tính Như Lai** gia trì thân mình với cúng dường, cảnh giác **Địa Thần**, chọn bỏ các vật ác trong đất, đắp đất khiến cho thật chặt

Ngày thứ hai: Ở bên trong Đàn, đào sâu một khuỷu tay, dùng **Bất Động Minh** gia trì nhóm năm thứ sáu, xếp đặt vị trí của Thánh Tôn. Dùng Bạch Đàn chấm vị trí của năm Đức Phật, bốn vị Bồ Tát

Ngày thứ ba: Để các bình, dùng **Bất Động Minh** gia trì 108 biến

Ngày thứ tư: Chiều tối, tiếp đến dùng **Hương Thủy Chân Ngôn** 108 biến, sau đó rưới vẩy khiến cho sạch sẽ (sái tịnh)

Ngày thứ năm: Hộ Thân, cúng dường. Dùng **Bất Động** hoặc **Giáng Tam Thế** 108 biến, tiếp đến dùng **Trì Địa Minh**

Ngày thứ sáu: Ban đêm, Thây với Đệ Tử tắm gội, mặc áo sạch, đi đến Đàn như Pháp cúng dường cùng với Ấn Tướng, ứng dùng bàn tay ấn đê **Trung Thai**, trì **Minh** một lần thì ấn đê một lần cho đến bảy lần. Vị trí của các Tôn cũng dựa theo đây

Ngày thứ bảy: Tiếp theo dạy bảo Đệ Tử: **Tam Quy, Sám Hối, phát Tâm Bồ Đề**

_ Cúi đầu quy mệnh lễ

Tất cả **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thê Tôn)

Với **Pháp**, các Bồ Tát

Mật Tích Đại Phần Nộ

Vì lợi tu **Du Già** (Yoga)

Mau thành **Đại Tất Địa** (Mahā-siddhi)

Lìa xa các lỗi lầm

Dựng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala:Đàn Trường)

Kèm bày Pháp **Hộ Ma** (Homa)

_ Người khéo trụ **Du Già** (Yoga)

Trước dùng **Tịnh Pháp Giới**

An lập **Khí Thế Gian** (Bhājana-loka)

Quán Tâm **Diệu Bồ Đề**

Thân đồng với **Tất Đỏa** (Satva)

Màu như pha lê biếc

Trụ ở **Yết Ma Luân** (Karma-cakra)

Dùng **Đại Chân Ngôn Vương**

Đầy khắp chi phần thân

Chữ **Ám** (𑖀:Āṃ) ngay đỉnh đầu

Khiêm (𑖀:Khaṃ), **Ám** (𑖀:Āṃ) tai trái phải

Tại trán tên là **Ác** (𑖀:Āḥ)

Tả (𑖀:Saṃ), **Sách** (𑖀:Saḥ) tại hai vai

Ham (𑖀:Haṃ), **Hạc** (𑖀:Haḥ) làm họng, tim

Lam (𑖀:Raṃ) **Lạc** (𑖀:Raḥ) làm rốn, eo

Tông (ङ :Vam), **Phộc** (ळ :Vah) ùi, bàn chân

Ba chỗ **Đệ Su Đàn**

Như Pháp dùng gia trì

Biến khắp thành vòng lửa (diễm man)

Gặp ngày, thời phận tốt

Tú Diệu đều tương ứng

Thực tiền, tướng cát tường

Nên chọn lựa nơi đất

Trừ bỏ các xấu ác

Trước, lễ các Như Lai

Cảnh Phát với **Địa Thần**

Nên nói Kệ như vậy

(Phạn văn như **Thai Tạng**)

[**Tvam devī sākṣi putāsi**

Sarva buddhāna tāyinām

Caryā naya viśaitta

Bhūmi pāramitā suca

Māra-senyaṃ yathā bhagnaṃ

Śākya-simhena tāyina

Tatha ahaṃ māra jayaṃ-kṛtva

Maṃdalaṃ leḥ likhāmyahaṃ]

“Ngài, Thiên Nữ hộ giúp

Nơi chư Phật, Đạo Sư

Tu hành Hạnh thù thắng

Tĩnh Địa Ba La Mật

Như phá chúng Ma Quân

Thích Sư Tử cứu thế

Ta cũng giáng phục Ma

Ta vẽ Mạn Trà La”

_ Trường quỳ (quỳ thẳng lưng) duỗi tay phải

Ăn đất, luôn tụng Kệ

Dùng nhóm hương xoa, hoa...

Cúng dường Phật Bồ Tát

Với quyền thuộc Địa Thần

Rưới vẩy nước thơm sạch

Rồi lại trị đất ấy

Địa Thần trì thứ tự

Chân Ngôn là:

“**Án, bộ, khiêm**”

ॐ ॐ: ॐ

Oṃ bhūḥ khaṃ

_ **Kim Cương Phộc** mở chuông (lòng bàn tay)

Ngửa đê, tập hãm một (21)

Che đê cũng như vậy

Liên thành đất bền chắc

Quét, rưới vẩy, lau xoa (trước bảy ngày)



_ Sập tối, cầm hương hoa
Một mình đến Đàn Xứ
Hương Đông, cầm lò hương
Tụng Kệ **Khải Thỉnh Địa**
“Chư Phật thương yêu loài hữu tình
Nguyện xin lưu niệm nơi chúng con
Nay con thỉnh bạch chư Hiền Thánh
Kiên Lao Địa Thiên (Dṛḍha-pṛthivī) kèm quyền thuộc
Tất cả Như Lai với Phật Tử
Chẳng bỏ **Bi Nguyện** đều giáng lâm
Con trao đất này, cầu thành tựu
Xin hãy chứng minh, gia hộ con” (3 lần)

_ Ân cần phụng thỉnh xong
Thánh Chủng vân tập khắp
Đại Nhật: thân thanh tịnh
Vòng khắp cả Pháp Giới
Mười phương Phật cũng vậy
Ba nghiệp chí thành lễ
_ Quý hai gối, thẳng lưng
Định (tay trái) cầm chày Kim Cương
Dụng thẳng ngang trái tim
Tuệ Thủ (tay phải) duỗi năm ngón
Bình chưởng (lòng bàn tay bằng phẳng) đè mặt đất
Như trước **Cảnh Phát Địa Thân**
Mỗi tụng, mỗi lần đè
Tập nơi **Bản Chân Ngôn** (108 biến)
Nên chí thành **khải cáo** (trình bày với bậc bên trên)
“Ngưỡng bạch chư Như Lai
Các chúng Đại Bồ Tát
Thanh Văn với Duyên Giác
Trời, Rồng và tám Bộ
Nhóm **Linh Kỳ** (Thần của trời đất) nơi này
Con [họ tên...(tùy theo việc mong cầu mà trình bày)] y Giáo Trì **Minh Tạng**
Trì Chân Ngôn của Tôn (tên gọi của Tôn...)
Vì cầu Đạo vô thượng
Muốn ở trong đất này
Dụng lập **Mạn Trà La** (Maṇḍala:Đàn Trường)
Kèm tu hành **Niệm Tụng**
Nguyện **Tôn** nhớ Bản Thệ

Hứa cho con dựng lập
Hộ trợ con, *đừng để*
Thiên Ma, Quỷ Thần ác
Náo loạn gây chướng nạn
Thích Ca (Sākya-muṇi) dưới **cây Đạo** (cây Bồ Đề)
Giáng phục chúng Ma Oán
Nay con cũng như thế
_ Nếu có các chướng nạn
Nguyện chư Phật Bồ Tát
Chỉ con **tướng lúc trước** (tiên tướng)
Đừng để cho Quỷ Thần
Giả dối hiện mê hoặc
Nếu không có chướng nạn
Nguyện thấy cảnh tốt lành”

_ Lặng yên mà an tọa
Trì **Bản Chân Ngôn Minh**
Một ngàn hoặc một trăm
Nên lia các tư tưởng
Đủ số xong, ngủ yên
Chuyên chú **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Vành trăng, ngọc Như Ý
Trong ngoài sáng trong suốt
Thành tựu, chẳng thành tựu
Đều hiện ở gương tim
Người chẳng khéo, cưỡng làm
Tự chiêu vời tổn hại

_ **Tiên Tướng** (tướng lúc trước) khéo dựng lập
Đền ngay trong Đàn Xứ
Xếp vuông vức một khuỷu (1 khuỷu tay)
Đào xuống, bỏ gạch đá
Lấp đất, nện bằng phẳng
Nghiệm tướng **hư, thật** ấy

_ Người có thể dựng lập
Bất Động Mẫu Nại La (Bất Động Ấn)
Trăm tám (108) hộ đất ấy
Sau đó nên đào chung (tổng quật)
Thiền (cái mai, cái thuồng) **Ấn**: Kim Cương Phộc
Dựng Thiền Trí (2 ngón cái) Tiến Lực (2 ngón trỏ)



Chân Ngôn là (21 biến)

“**Án, nễ khur na, phộc tô đề, sa-phộc hạ**”

ॐ ऀनन वसुधे ऀन

Om_nikhana vasudhe svāhā

_ Lụa bỏ các uế ác

Chẳng thể thể đất sạch

Lớp lớp rưới nước thơm

Bằng phẳng như gương sạch

Tâm Đàn để năm báu

Là vàng, bạc, trân châu

Sắt sắt (đá báu màu xanh biếc), báu pha lê

Linh Dược là Xích Tiển

Nhân Sâm và Phục Linh

Xương Bồ, Thiên Môn Đông

Lúc đậu, đại tiểu mạch

Nhóm đậu xanh, hạt mè (hồ ma)

Trầm Hương, Đàn (Đàn hương), Đinh Hương

Hương: Uất Kim, Long Não

Đầy trong vật vàng bạc

Địa Thiên dùng kết hộ (108 biến)

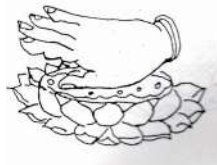
Nước thơm hòa **Cò Di** (Gaumayī: phân bò)

Vô Năng Thắng gia trì (Hoặc **Mã Đầu Minh Vương**)

Đồ Địa Chân Ngôn là:

(從東北隅右旋塗拭蓮子華蜀葵葉茅香墨土相和如法淨揩磨令光淨)

(Từ góc Đông Bắc, xoay theo bên phải lau xoa. Hạt sen, hoa, Thục Quỳ, lá, cỏ tranh, hương, mực, đất...cùng hòa nhau như Pháp, lau mài sạch sẽ khiến cho sạch sáng)



“**Án, ca la lê (1) ma ha ca la lê, sa-phộc hạ**”

ॐ ऀलले मल ऀलले ऀन

Om_Karāle mahā-karāle svāhā

Tảo Địa Chân Ngôn là: (lại rưới vẩy nước thơm)



“**Án, hạ la hạ la, tổ ngật-la, hạ noa dã, sa-phộc hạ**”

ॐ ऀल ऀल ऀल ऀल ऀन

Om_hāra hāra, raja-ugra-ahāraṇiya svāhā

_ Bạch Đàn xoa **Tôn Vị** (vị trí của Tôn)

Biện Sự Minh ngàn biển

Tiếp dùng Từ Bi quán

Quán niệm các chúng sinh

Tập nơi **Cam Lộ Minh**

Tưởng vị trí từ Tâm

Trú xứ của Đạo Sư

Tám cánh theo Ý sinh

Hoa sen thật nghiêm lệ

Trong vành trăng tròn đây

Không dơ như gương sạch

Nơi ấy thường an trụ

_ Chân Ngôn Cứu Thế Tôn

Màu vàng tỏa lửa sáng

Hại Độc Trụ Tam Muội

Như mặt trời, khó nhìn

Các **Nhân Giả** cũng thế

Ở trong gương tròn ấy

Tự thấy thân tướng ấy

Ngang đồng với thân Phật

(tác Quán này, trước tiên quán duyên bên ngoài, sau đó dẫn vào thân của mình)

_ Hành Giả tại **Phật Thất**

Đỉnh kệ, trăm ánh sáng

Chiếu khắp vô biên cõi

Khéo điều hòa Tâm Khí

Liên tụng (tụng liên tục) **A Tự Minh** (𑖀:Am)

Mỗi hơi cho đến ba

Tận sức, nên niệm tụng

_ Tâm chạm biết, tương ứng

Lìa tất cả phân biệt

Từ Thế **Tịnh Pháp Giới**

Dựng lập Mạn Trà La

Đỉnh lễ nơi Thế Tôn

Với **Bát Nhã Phật Mẫu**

_ Tiếp, điều hòa màu sắc

Hộ dùng, không thể hại

Vận bày các Thánh Tôn

Mà vẽ thân trang nghiêm

_ Tiếp bày nơi **Hộ Ma** (Homa)

Pháp vi mật thành tựu

Liên ở Tịnh Thất mới

Dựng lập nơi Đạo Trường

Đặt bày diệu hương hoa

Chân thành mà cúng dường

_ Y Pháp, **kết Tịnh** xong

Tức Tai (Śāntika) và **Tăng Vinh** (Puṣṭika:Tăng Ích)

Kính Ai (Vaśīkaraṇa) với **Giáng Phục** (Abhicāruka)

Uy Thân chẳng thể lường
Hay **hồi** (trở về) Tâm trời đất
Công dụng không bờ mé
Mở lớn, chứa **Phước linh**
Các Đàn cúng lửa ấy
Gia lâm mà rất nhiều
Tùy loại, cầu các Nguyện
Mỗi mỗi đều sai khác

_ **Hộ Ma** (Homa) lược hai loại
_ Ấy là **Nội** (bên trong) với **Ngoại** (bên ngoài)

_ Nói **Nội Hộ Ma** là
_ Do các chúng sinh ấy
_ Đều từ Nghiệp sinh ra
Tịnh Trừ nơi Nghiệp ấy
Tức là được giải thoát
Hay thiêu đốt Nghiệp cũ
Ấy là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)
Tên là Nội Hộ Ma
N như lửa Thế Gian ấy
Đốt vật thành tro tàn
Nay, đây tức chẳng thể
Làm Trí mạnh bén (của) mình
Đốt tất cả phiền não
N như lửa của **Kiếp Thiêu**
Không có chỗ tàn dư
Ba nơi đồng một Thể
_ Đại Đàn tức Hộ Ma
Hộ Ma tức thân mình
Thân mình tức **Hỏa Thiên** (Agni)
Hỏa Thiên tức **Đại Nhật** (Vairocana)
Thân miệng ý hòa hợp
Ba **bình đẳng** không khác
Đầy đủ nơi **ba Thân**
Lượng vòng khắp Pháp Giới
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Lìa **nói**, lìa **tướng nói**
Sinh cùng với **không sinh**
Đều là **Đại Nhật Tôn**
Quán ở **A Tự Môn**

(Nghĩa **vốn chẳng sinh** tức là Tâm Bồ Đề. Nay muốn hiển thấy thì dùng phương tiện nào để được thấy)

_ **Hoặc Chướng** (một trong bốn loại chướng ngại) đã ngăn che
_ Nhập vào Trí mạnh bén
_ Giáp vòng thành lửa sáng
_ Như **Kiếp Hỏa** rực rỡ
_ Cầm Đao với sợi dây
_ Thiêu đốt Nghiệp phiền não

Nhóm **Vô Minh** (Avidya), **Chu Ngột** (sự sai lầm)
Chẳng còn có dư sót
_ Tiếp quán Tâm Bồ Đề
Dùng nước Đại Bi **gội** (mộc: thấm gội, gội đầu)
Nên tướng trong khắp thân
Chảy rót Cam Lộ trắng
Rưới khắp mười phương cõi
Các chúng sinh nóng bức
Sinh trưởng mầm Bồ Đề
Thứ tự sinh các con
(Đây là **Ngũ Luân Tự** (chữ) thành **Phật Thân**)
Tức tên là **Pháp Thân**
Bí Mật Nội Hộ Ma”

_ Lại nữa, Thế Tôn nói
“Ta thành Bồ Đề rồi
Diễn nói **mười hai loại**
Lửa Trí” Lửa đầu tiên
Tên **Đại Nhân Đà La** (Mahendra)
[Tức tên gọi riêng của **Kim Luân**. Làm hình chày Kim Cương, tức chỗ ngồi
vuông vắn. Chỉ quán trong Đàn Tứ Giác có Bản Tôn]
Tuệ Quang (ánh sáng Tuệ) Tâm Bồ Đề
Hình vuông, màu vàng rực (hoàng kim)
[Biểu thị tòa Kim Cương]
Tôn ấy rất đoan nghiêm
Vòng hoa lửa vây quanh
Trụ **Tịch Tam Ma Địa**
(Đây tức là **Tỳ Lô Giá Na** cũng là Nội Hỏa, nghĩa của Pháp Thân. Bên dưới đều
dựa theo đây)
Quán xong, dùng Mật Ngôn
Hay thành tất cả việc
Thuận đời, lò Đàn vuông
Vật cúng đều màu vàng
_ Thứ hai: lửa **Hạnh Mãn**
Hình tượng như trăng Thu
Sáng tỏ vòng khắp cả
Thân, áo màu trắng tinh
Nguyệt Luân Mạn Trà La
Cầm **Châu** (viên ngọc) với **Quân Trì** (Kuṇḍikā: bình chứa nước tắm rửa)
Trừ: nước, lửa, trùng, sương
Bệnh tật thân ta người
Mọi loại tai họa ác
Tâm do dự chẳng định
Lửa này hay Tịnh Trừ
_ Thứ ba tên **Ma Lỗ** (Marūta)
Hình sắc rất khô đen

[Như lửa giáng phục của nhóm **Đồ Hôi** (Bhasman:nhóm Ngoại Đạo dùng tro bôi khắp thân)]

Phong Luân, Đàn bán nguyệt

Thế cầm lụa, gió thổi

Nói **người tu hành** kia

Tâm Số (Tâm tính toán) **Nghi** (nghỉ ngơi), tiến lùi

Là **Vọng Hoặc** (mê hoặc sáng bậy) vô thủy

Gốc phiền não chưa trừ

Thường quấy nhiễu ràng buộc

Dùng thêm **Ám Chướng** che

Số (Tâm tính toán) y đây đốt trừ

Tan hoại, đuổi **Trọng Vân** (Mây chồng chất)

_ Thứ tư: **Lô Hề Đa** (Rohita)

Tướng thân hình đoan mẫn

Tam Giác, vòng lửa sáng

Mặt trời sớm màu đỏ

Cầm đao, tướng giận dữ

_ Thứ năm: **Một Lật Noa** (Mṛḍa)

Tôn hình màu vàng nhạt

Trên thân **Tì** (râu ria), **Mấn** (tóc mai), **Phát** (tóc)

Đỉnh có Đại Uy Quang

Mắt, **trái**: giận, **phải**: vui

Màu, **trái**: đỏ, **phải**: vàng

Ngồi Tam Giác bên trái

Đỉnh (tay trái): đao, Tuệ (tay phải) cầm chày

Hay thành hai loại việc

Nhiếp Triệu và **Tức Tai**

_ Thứ sáu: **lửa Phẫn Nộ** (Krodha)

Tôn hình màu lửa rực

Nhắm một mắt, gằm lớn

Trên dưới hiện nanh chó

Đầu tóc rối cao vót

Hai việc: lửa và nước

_ Thứ bảy tên **Ôn Phước** (Jaṭhara)

Tức Đại Bát Niết Bàn

Nhanh chóng, rất phần nộ

Chữ **Ác** (**Aḥ:ꣳ**) đủ năm màu

_ Thứ tám tên **Phí Háo** (Kṣaya)

Màu như gom mọi điện

Rất khó nhìn ngó được

Ngồi trong **Kim Cương Luân**

Hay trừ khiên Chướng nặng

Với quyền thuộc **Đỉnh Hạnh**

_ Thứ chín **lửa Ý Sinh**

Tôn này tùy ý thành

Mọi loại thân **Phổ Môn**

Đại Lực Tự Tại Tuệ

_ Thứ mười: **Yết La Vĩ** (Kṛavyādā)

Bên tay phải Tôn ấy
Tiếng **Tịnh Hạnh Ân Ân**
_ Thứ mười một (Bản Phạm thiếu mất tên gọi)
_ Mười hai: **Mô Hạ Na** (Mohana)
Tôn hình, lửa **Kiếp Tai**
Đạo Trường giảng phục Ma
Nếu các loại hữu tình
Làm ác chẳng thể ngưng
Khuyến Đạo (khuyên nhủ mở lối), tăng chuyển đổi
_ Lửa này hay Tịnh Trừ
Phương tiện dùng chế phục
Mê Hoặc khiến không biết (Ý mật)
Dần dần dẫn vào Đạo

_ Tiếp bày bốn **Vi Mật**
Nghi Quỹ nên tu tập
Bản Tôn Chân Ngôn Ân
Thân, miệng, ý tương ứng
Ba vị hòa hợp đúng
Mà làm các sự nghiệp
Do **ngoài** dẫn vào **trong**
Nghĩa Lý không sai biệt
_ **Tức Tai** (Śāntika) đầu đêm khởi
Tăng Ích (Puṣṭika), mặt trời mọc
Trung (giữa ngày) **Giáng Phục** (Abhicāruka) mãnh lợi
Câu Triệu (Akarsāya) tất cả thời
Ban đêm làm **Kính Ái** (Vaśīkaraṇa)
Phiến Để Ca (Śāntika) Tịch Tai
Thông minh với sông lâu
Kèm Pháp trừ chướng nạn
_ Năm sao (Mộc diệu, hỏa diệu, thổ diệu, kim diệu, thủy diệu) đã lẩn bức
Mọi loại các tai nạn
Miệng lưỡi (khẩu thiệt) với đấu tranh
Cung vua đã bức bách
Trong ngoài chẳng hòa thuận
Bảy Diệu (7 vì sao: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, La Hầu, Kế Đô) trái *độ thường*
Gió mưa chẳng đúng thời
Bệnh dịch với mất mùa
Quý Mỹ, việc chẳng lành
Khi tai nạn ấy khởi
Ngồi chéo đùi, hướng Bắc
Dựng gối (đầu gối) trước đùi phải
Quần áo phải trắng tinh
Ăn uống, hương, hoa, đất
Đèn, đuốc cũng như thế
Vành trắng bày Chân Ngôn
Văn tự cũng màu trắng
Trụ **ba Giải Thoát Quán** (Không, Vô Tướng, Vô Nguyện)

_ Vào **Không Tam Ma Địa** (Śūnyatā-samādhi)
 Vận Tâm vòng Pháp Giới
 Mở rộng, không một Pháp
 Trong phút chốc, lắng Tâm
 Diệt trừ tất cả **Kiến** (Dr̥ṣṭi)
 Chưa trừ nơi **Không Chấp** (cố chấp vào Lý nghiêng về **Không**)
 Vào **Vô Tướng Tam Muội** (Animitta-samādhi)
 Lìa tất cả tướng ấy
 _ Tiếp **Vô Nguyện Tam Muội** (Apraṇihita-samādhi)
 Nơi **Trí Chân Như** (Tathatā-jñāna) ấy
 Lìa tướng, vốn rỗng lặng
 Cũng không nơi nguyện cầu
 _ Từ **Tam Ma Địa** (Samādhi) khởi
 Tưởng kỹ giữa ức, tim
Viên Minh (ánh sáng như cái gương tròn) rộng một khuỷu (tức Tâm Bồ Đề)
 Giống như ánh trăng Thu
 Sáng trong, ngửa tại tim
 _ Tiếp quán miệng Bản Tôn
 Câu bí mật đã trì
 Rõ ràng thành đường chữ (chữ tạo thành con đường)
 Nhập vào miệng **Du Kỳ** (Yogi: người tu Du Già)
 Vặn tự xoay bên phải
 Bày ở vành trăng tim
 Mỗi chữ, màu vàng rờn
 Tôn ra ánh sáng lớn
 Thân Tâm chẳng tán động
 Nhập vào **A Tự Môn**
 Tức ở mỗi một chữ
 Suy nghĩ nghĩa Thật Tướng
 Đây tên **Tam Muội Niệm**
 _ Trước kèm **Quy Mệnh** tụng
 Hăm một (21) mới trừ bỏ
 Từ **Án** (Om) khởi đầu tiên
 Cho con (họ tên...) trừ tai họa
Sa Phộc Hạ (Svāhā) cuối cùng
 Vốn không gặp thêm việc
 _ Niệm tụng dùng tiếng nhỏ
 Nên tu Ý vắng lặng
Hộ Tôn (Pāla-nātha) tướng phẫn nộ
 _ Nếu người làm **Hỏa Đàn**
 Đào hình lò ấy tròn (hoặc vuông)
 Một khuỷu, sâu nửa khuỷu
 Đáy lò, bùn làm **Luân** (Cakra: bánh xe)
 Luân ấy đủ tám cãm
 Lượng bằng **một Trách tay** [một gang tay](cao một ngón tay)
 Bốn **đoạn** (tiết) làm **Chu Giới** (giới hạn chung quanh)
 _ Tô Đàn thuần màu trắng (hương khác dựa theo đây)
 Cỏ tranh tốt trên thêm
 Tùy ngày, xoay bên phải

Dùng gộc che mầm ấy
Hoặc bày mọi màu sắc
Sáng đỏ rất **nghiêm lệ** (trang nghiêm đẹp đẽ)
Tất cả việc vẽ, thành
Đốt hương Trầm, đèn bơ
Các hoa quả tươi đẹp
Thức ăn uống... cúng dường
Đầu tháng đèn mông tám
Tam Dư (3 loại tàn dư của Phiền não, Nghiệp, quả báo) thời Hộ Ma
Tâm **Từ** (Maitra-citta) sinh vui vẻ
Ngoái nhìn ở tất cả

_ Nơi lược **Hộ Ma** đây
Nên trì **Biện Sự Minh** (hoặc **Bất Động**)
Dùng **Cát Lý Minh Vương** (Kilikila-vidya-rāja)
Kết Hộ, gia trì vật
Tuệ vũ (tay phải) Không (ngón cái) đè Địa (ngón út)
Đuỗi **Ba La Mật** (các ngón tay) khác



Dùng nước thơm rưới khắp
Chân Ngôn là:
“**Án, cát lý cát lý, phộc nhật-la, hồng, phán tra**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
Om_ kili kili vajra hūṃ phaṭ

_ Muốn làm các sự nghiệp
Thành tựu Pháp **Kết Đàn**
Hộ Thân với Đệ Tử
Tịch trừ các chướng nạn
Do Án Minh này nên
Các Thiên Tử **Tịnh Cư**
Thường đến ở nơi ấy
Quán chiếu, khiến mau nghiệm
_ Lò đối Mạn Trà La
Ngoại (bên ngoài) tương vọng (trợ nhau nhìn ngó) làm riêng
Chỗ cúng như Đại Đàn
Nửa lò, đốt đầy than
Cành đã lấy trong cây
Nhóm củi cứng **Nhũ Mộc** (cây có chất nhựa như sữa)
Ném vào trong **Quân Trà** (Kunḍa: Lò lửa, lò Hộ Ma)

Dùng khuấy nước Át Già
Chuyển phải, rưới trong lò
Tương xúc miệng Hỏa Thiên
Cát Tường Chân Ngôn là:
“**Án, phộc la na, phộc nhật-la, đàm**”

ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥

Oṃ_varada vajra dhama

_ Các chi Phần Hộ Ma
Đề sẵn ở bên phải
Hai muống, vật khí trống
Nhóm bơ, mật, dầu, củi
Đề ở ngay bên trái
Nên dùng Nghi Hộ Ma
Hai tay tại hai gó (2 đầu gó)
Xuay theo phải, thuận chuyển
Định Vũ (tay trái) cầm **Châu Chử** (chày ngọc)[Kim Cương Quyển]
Duỗi Phong (ngón trỏ) kèm muống lớn
Tay Tuệ (tay phải) cầm muống nhỏ
Lấy **Danh Tô** (bơ tốt) ba lần
Rót đầy muống lớn ấy
Tuệ (tay phải) buông Tiểu (muống nhỏ) nắm Đại (muống lớn)
Cuối câu, tưới trong lửa
Đưa vào miệng Hỏa Thiên

_ Dầu, mật và sữa, Lạc
Cháo sữa, cháo ngũ cốc (5 loại lúa đậu)
Cơm gạo, Đạo Cốc (hạt gạo không bỏ vỏ), hoa
Thứ tự hiến ba lần

_ Quả ngọt, gỗ cây mạn
Nhóm **Tường Vi** (một thứ cây mọc ven tường), **Nhũ Thụ** (cây có chất nhựa như sữa)

Trầm (cây Trầm Hương), **Đàn** (cây Đàn Hương), **Bách** (cây Bách), **Phong** (cây Phong) **cầu** (cầu tạo, xây đắp)

Lượng dài một trách tay (một gang tay)
(hoặc mười ngón tay, hoặc bốn ngón tay, thô kệch như ngón trỏ)
Hai đầu đều tẩm bơ
Ném vào trong **Quân Trà** (lò Hộ Ma)
(3 lần, hoặc 21 lần, hoặc 108 lần)

_ Đinh Hương, Bạch Đàn, Trầm
Huân Lục, Long Não Hương
Đậu Khấu, hạt cải trắng
Cùng với Tô Hợp Hương
Nửa làm bột, nửa (làm) viên
Viên dùng bơ, mật hòa
Theo trước, ném vào lửa
Ba lần đều như đây
(hoặc 108 lần, hoặc 21 lần. Lại dùng muống nhỏ tưới vào lửa 21 lần)

Chân Ngôn là:

“**A ngật-nặng duệ, hạ vĩ dã, hạ vĩ dã, phộc hạ nặng dã, địa bỉ dã, địa bỉ dã**
(phiên đề, tăng ích bố sát trí) **câu lỗ, sa-phộc hạ**”

𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰𑖱𑖲𑖳 𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Agnaye havya kavya vahanaya dīpya dīpya (Śāntīm, Puṣṭīm) kuru svāhā

_ Chữ **Hạ** (Hā) dẫn tiếng ấy

Tiếng dừng lại cùng **Quả**

Hành Nhân ở bên trái

Thầy dùng Tuệ (tay phải) cầm chày

Tịch Tai Hộ Ma Chân Ngôn là:

“**Nặng mạc tam mạn đa một đà nam (1) a, ma hạ phiên đề nghiệt đa (2)**
phiên đề ca la (3) bát la thiêm ma, đạt ma, nễ nhạ đa (4) a bà phộc, sa-phộc bà
phộc (5) đạt ma tam ma đa, bát-la bát-đa, sa-phộc hạ”

𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰𑖱𑖲𑖳 𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿
𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭𑖮𑖯 𑖰𑖱𑖲𑖳 𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

Namaḥ samanta-buddhānām_ Aḥ_ mahā-santi gata, śanti kara, praśama-
dharma nirjāta, abhāva svabhāva dharma, samanta prāpta svāhā

Thỉnh Hòa Thiên rời lò

Đến vị trí Đông Nam

_ Tiếp nên cầm lò hương

Thỉnh nơi **Bản Cung Diệu**

Với **Mệnh Nghiệp Thai Tú**

Quyền Ấn, Phong (ngón trở) Hòa (ngón giữa) câu móc

_ Tiếp thỉnh nơi Bản Tôn

Hay tay nâng hoa mùa

Khử dơ với **Quang Trạch** (sáng bóng)

(hoặc Bộ Chủ gia trì)

Liên xa lia lò, ném

Tưởng hoa khắp các Tòa

Như trước, lại **tịnh hỏa**

Thỉnh **Tôn** vào trong lò

(đều dùng Bản Chân Ngôn thỉnh, mỗi mỗi cúng dường, hoặc **Đường Bộ** kèm
quyển thuộc)

Thành Tâm mà cúng dường

Chuyên chú nơi Thánh Chúng

Tuôn ra mây rộng lớn

Cơm, **thực** (thức ăn), phướng, phan, lọng

Trần khắp vì trần cõi

Phụng hiến chúng Thánh Thiên

Các hữu tình **ba ác** (3 loại tâm ác)

Được ánh sáng chiếu chạm

Dứt khổ, thân tâm vui

Cho đến **Hộ Thế Thiên** (Loka-pāla-deva)

Ba lần Hộ Ma xong

Hương, hoa, Thực (thức ăn) đã cúng

Với chiếu các hữu tình
Đều được nơi **Vinh Thịnh** (hiền đạt hưng thịnh)
Phú Quý với sóng sâu
Tức mây ánh sáng này
Ở nơi cư trú ấy
Mưa vật dụng bầy báu
Mưa Cam Lộ cõi Trời
Rưới rớt Tâm Hành Nhân
_ Lò vuông hai khuỷu tay
Chung quanh sâu nửa khuỷu
Đáy đê chày Tam Cổ (lượng như lúc trước)
Dùng Đàn (Đàn Hương), Uất Kim (uất kim cương) bôi
(Bạch Đàn làm hương đốt, đèn dầu mè)
Quang Âm (ābhāsvara: Quang Âm Thiên) với **Tuế Tinh** (Vṛhaspati: Mộc Diệu)
Nhóm **Vinh Hữu Ý Tú** (Ấn lúc trước)
Chỗ cúng theo **Nghi** trước

_ Nếu cầu Pháp **Hoan Ái**
Tên **Phộc Thí Ca La** (Vaśīkaraṇa: Kính Ái)
Tâm mừng giận tương ứng
Mười sáu (ngày 16), hai mươi ba (ngày 23)
Triệu (kêu gọi) người với Trời, Rồng
Quý Thân, loài Phi Nhân
Tất cả nơi kính yêu
Nhà, nước với quyền thuộc
Oán địch, các bạn bè
Hòa thuận mà vui vẻ
Với cầu Diệu Biện Tài
Cúng tám Bộ Trời Rồng
Tất cả chỗ hộ niệm
Thỏa mãn điều cầu nguyện
_ Ngôi **Bán Già**, hướng Tây
Trên, cầu tăng trưởng đồng
Cùng tôi (họ tên) nhiếp việc đó (nêu tên việc đó)
Tri Minh, Tâm vui vẻ
Hộ Tôn, tướng **Tịch Phần** (Yên lặng giận dữ)
Kim Cương Câu (Vajarāṃkuśa) nhiếp triệu
Dẫn mây, cúng Pháp Giới
_ Tiếp **triệu** (kêu gọi) ba nẻo ác
An trí nơi người, Trời
(Tuồng **Chúng** được kêu gọi nhập vào Tâm ấy, kêu gọi đến)
Mây **Hoa Tiễn** (mũi tên hoa) vui vẻ
Bán Nhị Thừa Yểm Ly (Tâm chán lìa của hàng Nhị Thừa)
Giận, ghét, ba Chương nặng
Với trừ Tâm oán hận
Khiến đến **Cực Hỷ Địa** (Pramuditā-bhūmi: Địa vị đầu tiên trong 10 Địa)
(bắt ở 5 chỗ: vàng trán, 2 vú, trái tim, phần bên dưới)
_ Lò như sen tám cánh
Nở rộ, đủ đài nhụy

Lượng một khuỷu, sâu **nửa** (nửa khuỷu tay)
Đáy đê hoa sen hồng
Hai đường viền, bốn ngón (4 ngón tay)
(màu trắng, cao một ngón tay)
Trang phục: hồng, trắng, vàng
_ Đê Không (ngón cái) nhắc Phong Luân (ngón trỏ)
Mỗi phương đều một chấm
Liên thành **Đại Kết Giới**
Chữ **Hồng** (紅: Hūm) gia hộ khắp
(Dùng vật báu cúng dường)
_ Đốt Đinh Hương, Tô Hợp
Dùng dầu quả (dầu của trái cây) thắp đèn
Củi: **cây Nhũ Thứ Quả** (cây có nhựa như sữa, cây có gai, cây có quả trái)
Dùng hoa đỏ cúng dường
Trong lửa **Đình-dạ duệ la**
Màu hồng, tóc xanh biếc
Trời: **Phạm Tử** (Brahma-putra), **Thái Bạch** (Śukra)
Thành nhóm **Thai Thân Tú**
Hộ khắp, xin vui vẻ

_ Nếu làm Pháp **Giáng Phục**
A Tỳ Già Lô Ca (Abhicāruka)
Hai mươi bốn (ngày 24), cuối tháng (ngày cuối tháng)
Chế (chế ngự) Quỷ Thần, người ác
Phá hoại **mắt Chính Pháp**
Vớ các Rồng độc ác
Tuôn mưa mạnh **trái thời** (chẳng đúng thời tiết)
Sương, **bạc** (mưa đá) hại lúa mạ
Nước lụt, hạn hán trái thời
Quỷ Mỵ lưu hành khắp
Nơi nơi hiện biến quái
Mọi người chẳng an ninh
Chỗ ở luôn náo loạn
Vớ hành **chẳng trung hiếu**
Pháp này hay chế trừ
Vì an vui Thế Gian
Bày phương tiện lớn này
Gồm lợi ích kẻ kia
_ **Nội** (bên trong) khởi Tâm Từ Bi
Ngoại (bên ngoài) là đại phần nộ
Đen xanh trên các màu
Trong tim, quán Viên Minh (Ánh sáng như cái gương tròn)
Biến đồng Đại Nhật Tôn
Rực rỡ không cùng loại
Phát sáng như **Kiếp Diễm** (cuối đời Hoại Kiếp dấy lên tại nạn lửa lớn thiêu đốt hết Thế Giới)
Chân Ngôn, gắng xung mạnh
Người bên cạnh nghe được

_ **Hộ Tôn**, ý vắng lặng
Liên quán **Phần Nộ Tôn**
Khấp thân, các chân lông
Tuôn ra mây khí trượng
Cúng dường tận hư không
Tất cả Tôn phần nộ
Tuôn mưa các khí trượng
Roi lên chốn cư ngụ
_ Lò lửa hình tam giác
Trong đẽ chày Độc Cỗ

Lượng đồng **Phộc Thí Ca** (Vaśīkaraṇa: Kính Ái)

Đất Đàn, tô màu đen
Tòa cây gai, hoa đỏ
Hoa đen không hơi thơm
Rải đầy xong cúng dường
(com, thức ăn dùng nước cốt của Thạch Lựu thấm vào)
Thiệt tráp (nước cốt của sắt thép), nước phèn đen
Hoa đen, hạt cải, bách (cây bách)
Chút ít đẽ (trong) Át Già
Hương đốt, dùng An Tất
Dầu hạt cải làm bắc (bắc đèn)
Lỗ Địa La (Rudhira: máu huyết) mỡ bò [làm đèn]
Cúng dường nơi Thánh Tôn
Phần nộ gia hộ khắp
Chân Ngôn là:

“**Hồng, cát lý cát lý phộc nhật-la, hồng hồng hồng, phán tra, phán tra, phán tra**”

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

Hūm kilikili-vajra hūm hūm hūm phat phat phat

_ Thứ tự nhiều (quanh) **Quân Trà** (lò Hộ Ma)

Bày cỏ gai hôi xấu

Bắc **Khô Sâm** trong lò

Lửa dính nước Sái Tịnh

Chữ **La** (𑖫 : Ra) thành Hòa Thiên

Màu đen, lửa khói khắp (Thỉnh Triệu dựa theo lúc trước)

_ Máu mỡ của con bò

Bơ, sữa, mật, dầu mè

Vĩ Sa (Viṣa: chất độc) cùng hợp chung (hoặc dùng **Đầu Tạc**)

Hăm một (21 lần) ném Quân Trà (ném vào lò Hộ Ma)

_ Củi: xương, tóc, cây xấu

Sâm (một loài cỏ quý) gai nhọn, vĩ sa (chất độc)

Thấm ở đầu **Lỗ Địa** (máu huyết)

Tưới khắp, tụng Chân Ngôn

Chỉ bày **Bản Phương Vị** (vị trí của phương góc)

Khải thỉnh **Trần** (Śanaīscara: Thổ Diệu), **Huỳnh Hoặc** (Angāraka: Hỏa Diệu)

Sâm Tinh (Ārda: Sâm Tú) và **Liễu Tú** (Āśleṣa)

Phát Nguyện, ca vịnh khen

“Đại Thiên ! Sức uy thần phần nộ
Hay mãi chúng sinh, diệt oán địch
Nay cầu phá địch, diệt oán thù
Cúi lạy chư Thiên về Bản Cung
Sau có lúc chí thành thương thỉnh
Nguyên xin giáng đến, nhận cúng dường”

Phụng Tống Chân Ngôn là:

“**Bồ** nhĩ đô, đồ ma dã, bạc để-dã nghiệt tha, a ngật-nịnh, sa-phộc bà phộc nam, bồ năng la ti-dã nga ma na dã, sa-phộc hạ”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ नमो

Pūjito simayā bhaktyāgaccha agni svabhāvānām punarapyāgamādaya svāhā

— **Giải Giới** như Nghi Tắc

Đôi thẳng trước mặt Tôn
Duỗi thân, động chi tiết
Nhỏ bậy với tiếng than
Việc của nhóm như vậy
Chế ngự, đừng kiêu mạn
— Đại Giáo A Xà Lê
Bậc Tuệ khéo, Hạnh sâu
Muốn cầu Đại Tất Địa
Nên luôn tu Hộ Ma
Mỗi (1 lần) đủ ba Lạc Xoa
Một lần, lửa cúng dường

— Lại nữa, tướng Hộ Ma

Lửa đỏ hoặc vàng rờn
N như **Ngưu Tô** sáng bóng
Lửa thơm tho, không tiếng
Trên lửa sinh lửa chồng
Phân tán, hình dù lọng
Vật đã được gia trì
Ám, khói với ánh sáng
Ở trong phát tiếng lớn
Phạm Âm Sư Tử Hống
Tiếng sấm, vi diệu hưởng (tiếng dội lại vi diệu)
Tiếng chuông, trống, Nhã Nhạc
Nên biết tướng thành tựu
Nếu hơi lửa ấy lạnh
Màu không có sáng bóng
Đại Tinh (ngôi sao lớn sáng trong Tinh Tú) bèn tiến ra
Hoặc lửa hôi như khói
Biết **Tần** (lửa tàn) dấy vào đất
Nên biết chướng trong ngoài
Tu **Sơ Pháp** (Pháp đầu tiên) Túc Tai (ngưng dứt tai nạn)
(Đây cùng với Giáng Phục thành)

_ Hoặc mộng: Phật, Bồ Tát
Kim Cương hoặc các vua
Bà La Môn, Cư Sĩ
Minh Vương hoặc Tam Bảo
Mặc áo trắng đẹp mới
Thân đeo các Anh Lạc
Mỹ nữ trang phục đẹp
Mang thai, hoặc Đồng Tử
Cầm: hương, hoa, bình, lọng
Hoặc cung kính cúng dường
Nhiều quanh mà hành Đạo
Ăn: gạo tẻ, lạc, cơm
Sữa Cam Lộ, quả, hoa
Rừng rậm hoặc lên núi
Đền Tháp hoặc lầu gác
Hoặc ngồi xe, ngựa, voi
Sư Tử, bò, hươu nai
Bạch Hạc, Khổng Tước Vương
Kim Sí Điều với thuyền
Trên biển, nước trong sạch
Tự tại bay trên Không
Lửa sáng rực khắp thân
Ngồi trong Tòa nghe Pháp
Hoặc ở Chúng nói Pháp
Được trần châu, diệp bảo
Thương Khư (Sankha: Loa), Luân (bánh xe), kiếm, chày
Khéo nói mà an ủi
Mây ngũ sắc, điện chớp
Gió nhẹ, mưa hoa Trời
Hương xông ướp, tắm gội
Đầy đều ứng thành tựu
Thức tỉnh, đừng ngủ lại

_ Nếu mộng: người **khôi quái** (người chủ về sự giết chóc)
Heo, lừa, lạc đà, chó
Hoặc tiếp chạm, ở gần
Xác chết cũng như thế
Quý ác, đường đáng sợ
Thân mặc áo rách xấu
Người nữ hình xấu xí
Các vật chẳng tốt lành
Là **Chướng**, chẳng thành tựu

_ Hoặc có **vọng niệm** khởi
Trái khuyết **Tam Muội Gia** (Samaya)
Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) buộc bên trong
Hỏa Luân (ngón giữa) quấn hai Phong (2 ngón trỏ)
Trước hợp tập Đại Luân

Hăm một (21) Chương đều tiêu
Ngủ say, **Bộ Mẫu** hộ
Bộ Chủ hộ trụ xứ
Các mộng ác chẳng lành
Trăm biến (100 lần) **Bộ Mẫu Minh**

_ Phàm lúc muốn ăn uống (khiết thực)
Trì **Minh** dâng Bản Tôn
Bộ Chủ Minh Chân Ngôn
Gia trì **thức ăn** ăn
Hộ Ma như kính Pháp
Vi tế, hiểu rõ ràng
Chút phần chẳng tương ứng
Mọi ác đều đến tập

_ Đủ ba số Câu Chi
Thường được thấy Bản Tôn
Tâm thông Môn giải thoát
Trí Tuệ chẳng thể lường
Nguyễn Thế, Xuất Thế Gian
Đều đầy đủ mong cầu

_ KIẾN LẬP MẠN TRÀ LA HỘ MA NGHI QUỸ (Hết)_

Quỹ này do **Pháp Toàn** ཀླུ་པོ་ལྷ་མོ་ (Arya:Quỹ Phạm Sư) gom tập, đường lối chủ yếu của ཀླུ་པོ་ (Homa) vậy.

Bản đây do Đại Sư **Từ Giác** thỉnh về (**Bí Lục** nói là: **Nhân Lục Ngoại**). Có điều khi chuyên chép thì sai lầm nhiều. Nay kiểm tra đính chính chỗ thiếu sót, dùng tuổi thọ khắc chữ, mong đợi bậc Hiền Thức tiếp tục thay đổi cho chính đúng

Thời ấy, Tinh xá **Nguyễn Văn** Cường Ngữ Đại Hoang Lạc (tức năm Đinh Ty), ngày của **Quý Hạ** (tháng 6) nóng bức khác thường như đang ở trong cái nồi đất. Ban ngày giảng ཀླུ་པོ་ (siddhām), ban đêm xét xét duyệt lại, chỉ là vì Pháp, mỗi mỗi thành thật mà dùng.

Phong Sơn Trường Cốc Luân Hạ _ **VÔ ĐĂNG** ghi

19/08/2012